

**CHƯƠNG TRÌNH**

thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về “Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

Thực hiện Hướng dẫn số 14-HD/BTGTW, ngày 07/10/2016 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc “*triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình thực hiện như sau:

**I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG NHỮNG NĂM QUA**

**1- Những kết quả đạt được**

Việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đã được tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân được quán triệt đầy đủ nội dung, tinh thần của Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, Chương trình số 01-CTr/TU, ngày 11/01/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại tỉnh Đắk Lắk*” và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục đích, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được nâng lên rõ rệt. Thông qua các dự án, chương trình chuyển giao kỹ thuật sử dụng các chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp đã giúp người dân thấy được hệ lụy của việc lạm dụng hóa chất nông nghiệp và vai trò của các chế phẩm sinh học trong việc ổn định độ phì nhiêu đất, gìn giữ môi sinh, góp phần sản xuất nông nghiệp bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giai đoạn 2006 - 2016, toàn tỉnh đã triển khai mới 4 dự án nông thôn miền núi, 15 đề tài nghiên cứu cấp tỉnh, 19 nội dung ứng dụng và chuyển giao công nghệ cấp huyện, trong đó tập trung chủ yếu cho ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp chiếm trên 90%. Chương trình công nghệ sinh học tập trung

cho lai tạo, chọn lọc, nhân giống cây trồng vật nuôi cũng như nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ cho nông lâm nghiệp, môi trường, y tế. Nổi bật là duy trì và nhân giống các dòng vi sinh vật, sản xuất các tổ hợp men và vi sinh vật chức năng, ứng dụng rộng rãi các tổ hợp này vào xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp, góp phần tăng cường sử dụng các dạng phân hữu cơ vi sinh trong trồng trọt, tạo ra một phong trào thực sự mạnh mẽ sử dụng phân hữu cơ từ phế phụ phẩm nông nghiệp để thay thế dần một phần phân bón hóa học, có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường; một số men, vi sinh vật cũng đang được ứng dụng trong các quá trình lên men trong sơ chế cà phê, ca cao. Bên cạnh đó, tỉnh cũng tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng các chế phẩm vi sinh vật nhằm xử lý ô nhiễm môi trường tại các nhà máy sản, trang trại chăn nuôi, khu xử lý rác thải tập trung.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 12 dây chuyền công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp với sản lượng 70-80.000 tấn/năm, góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng và nâng cao tính bền vững về môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Một số men đang được thử nghiệm cho các quá trình lên men ủ trong chế biến cà phê, ca cao. Trong lâm nghiệp, giống bạch đàn, keo lai nhân từ mô phân sinh kết hợp với giâm hom cũng đã được đưa vào chương trình trồng rừng kinh tế. Tiếp tục ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô để nhân giống nhanh cho một số loài cây như cà phê, ca cao, hoa lan, cây cảnh. Trong lâm nghiệp, giống bạch đàn, keo lai nhân mô phân sinh kết hợp với giâm hom cũng đã được đưa vào chương trình trồng rừng kinh tế trên hàng trăm ha...

## 2- Những hạn chế

Lực lượng nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ sinh học tuy có tăng và trình độ đào tạo được nâng lên nhưng vẫn chiếm tỷ lệ thấp so với tổng số nhân lực khoa học công nghệ, tập trung chủ yếu ở cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn. Lĩnh vực công nghệ sinh học hiện đại còn thiếu các cán bộ chuyên môn có trình độ cao.

Cơ sở vật chất cho công nghệ sinh học đòi hỏi đầu tư cao, tập trung và đồng bộ, việc đầu tư cho công tác nghiên cứu chưa nhiều, công trình nghiên cứu mới còn hạn chế, chủ yếu là ứng dụng và chuyển giao những công nghệ có sẵn. Các nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực y, dược và môi trường chưa được quan tâm đúng mức; ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, nhất là hoa, quả còn hạn chế; thiếu đầu tư, ứng dụng công nghệ sinh học cho bảo tồn các nguồn gen tự nhiên động, thực vật. Công nghiệp sinh học còn rất yếu; doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực công nghiệp sinh học rất hạn chế, trừ công nghiệp sản xuất phân hữu cơ vi sinh. Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo về công nghệ sinh học ở địa phương còn ít. Một số kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế và môi

trường chưa được nhân rộng.

### 3- Nguyên nhân

Nhận thức của một số cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn còn hạn chế, chưa đầy đủ. Việc cụ thể hoá và thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghệ sinh học còn chậm và chưa toàn diện; chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan nghiên cứu, chuyên gia của Trung ương, cũng như các cơ quan của tỉnh trong việc khai thác tốt nhất các nguồn lực cho nghiên cứu, ứng dụng nhanh công nghệ mới vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

Ngân sách địa phương đầu tư cho công nghệ sinh học còn rất hạn chế, các doanh nghiệp trên địa bàn thiếu nguồn lực, khả năng đầu tư. Việc ban hành các chính sách thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghệ sinh học còn hạn chế và chưa thực sự hấp dẫn, chưa khích lệ được các thành phần tham gia.

Đội ngũ khoa học, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và chuyên gia công nghệ sinh học còn hạn chế, chưa tạo lập được thị trường công nghệ sinh học, doanh nghiệp còn chậm đổi mới công nghệ.

Một số cơ chế chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ còn chậm đổi mới, thiếu đồng bộ, chưa thực sự gắn kết giữa khoa học - công nghệ với sản xuất - kinh doanh và đời sống; chưa khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cũng như chưa theo kịp với yêu cầu của công tác quản lý. Chưa có các cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế nhằm xây dựng, phát triển các tổ chức khoa học công nghệ, thu hút nhân tài, phát huy năng lực nội sinh, khuyến khích các doanh nghiệp và người dân đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học.

## II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

### 1- Quan điểm

Công nghệ sinh học phải được coi là công nghệ ưu tiên, là một trong những động lực để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và của tỉnh.

Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe Nhân dân theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bền vững và được gắn chặt với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk.

### 2- Mục tiêu

Nghiên cứu, ứng dụng có chọn lọc các giống cây trồng, vật nuôi mới có

năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phục vụ tốt nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá, tăng nhanh tỉ lệ nông - lâm sản, chế biến, nhất là chế biến phục vụ xuất khẩu, phát triển bền vững các hàng hóa nông sản chủ lực của tỉnh; áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong công tác bảo vệ và khắc phục ô nhiễm môi trường.

Ứng dụng vắc xin trong công tác phòng ngừa dịch bệnh; sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại vào công tác chuẩn đoán phòng dịch, bảo đảm chặn đứng và đẩy lùi các loại dịch bệnh nguy hiểm.

Nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở công nghệ sinh học hiện có. Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong nông nghiệp và nông thôn, có sự liên kết hiệu quả giữa các đơn vị nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao trên địa bàn.

### III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

**1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi theo cơ chế thị trường để khuyến khích phát triển công nghệ, công nghiệp sinh học**

Người đứng đầu các cấp, các ngành có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Trong đó, chú trọng các cơ chế, chính sách tạo môi trường hấp dẫn, thuận lợi; khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghệ sinh học có thương hiệu Việt Nam; hỗ trợ không thu hồi hoặc thu hồi tỷ lệ thấp đối với các dự án nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm.

**2- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải theo cơ chế thị trường. Đầu tư phát triển công nghiệp sinh học là một nhiệm vụ ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội, là giải pháp quan trọng để phát triển nền kinh tế xanh, bền vững**

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt trong việc tạo ra những bộ giống cây trồng và vật nuôi có năng suất chất lượng, hiệu quả kinh tế cao; bảo đảm an toàn sinh học và bảo vệ môi trường.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong các ngành công nghiệp, nhất là trong công nghiệp dược, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp phân bón..., tạo ra sản phẩm mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường ở trong nước.

Ứng dụng rộng rãi hơn nữa công nghệ sinh học trong công tác bảo vệ và khắc phục ô nhiễm môi trường, nhất là ở các nhà máy, khu, cụm công nghiệp, khu xử lý rác thải, bảo đảm môi trường sống không bị suy thoái, ô nhiễm.

Xây dựng, nâng cấp một số cơ sở công nghiệp sinh học nhỏ hoặc vừa để tiếp nhận, ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ nhân giống, phục vụ nhu cầu sản xuất tại chỗ một số giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với thể mạnh, điều kiện đặc thù của tỉnh.

Thúc đẩy phong trào ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, nông thôn, trong đó có sự liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao trên địa bàn.

### **3- Chú trọng đa dạng hóa các nguồn lực cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học**

Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, đặc biệt là nhân lực trình độ cao về công nghệ sinh học. Trong điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị, tập trung phát huy nguồn nhân lực hiện có, đồng thời tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường đại học và viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu ứng dụng trên địa bàn.

Tăng cường huy động các nguồn lực cho việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học theo hướng ưu tiên phát triển sản phẩm có khả năng sản xuất quy mô lớn và thương mại hóa; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã vừa và nhỏ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và y dược. Trên cơ sở các phòng thí nghiệm hiện có, nâng cấp và đầu tư đồng bộ, hiện đại các trang thiết bị cần thiết.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế chính sách phù hợp để thu hút, đa dạng hóa các nguồn đầu tư; ưu tiên bố trí tỷ lệ ngân sách của địa phương, đơn vị cho việc ứng dụng những công nghệ mới có triển vọng, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh việc xúc tiến hoạt động của Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi.

### **4- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công nghệ sinh học đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và giới thiệu các thành tựu ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống, trong an ninh và quốc phòng.

Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo về công nghệ sinh học và ứng dụng công nghệ sinh học vào thực tiễn đời sống ở địa phương, đơn vị.

### **5- Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống**

Trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Chú trọng bảo tồn các nguồn gen quý, phát triển bền vững các cây, con chủ lực của tỉnh; nhanh chóng đưa các giống cây trồng, vật nuôi, quy trình

công nghệ tiên tiến vào trồng trọt, chăn nuôi, quản lý rừng, khai thác và nuôi trồng thủy sản, bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

Trong lĩnh vực an sinh xã hội, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới (gen, tế bào gốc, enzym-protein, ADN...) trong chẩn đoán, giám định và điều trị các loại bệnh, đặc biệt là các loại bệnh hiểm nghèo, phục vụ phát triển công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và trong các hoạt động nhân đạo, dân sinh; nghiên cứu, bảo tồn các loại cây thuốc bản địa và quy trình sản xuất các dạng thuốc phù hợp phục vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học.

Trong bảo vệ môi trường, tăng cường ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học nhằm tạo ra một nền sản xuất xanh, sạch. Khắc phục suy thoái và sự cố môi trường, bảo đảm bền vững hệ sinh thái. Tập trung ứng dụng rộng rãi hơn nữa công nghệ Biogas kết hợp sử dụng vi sinh sản xuất phân bón hữu cơ ở các loại hình chăn nuôi thích hợp. Ứng dụng các chế phẩm vi sinh thế hệ mới trong xử lý rác thải, phế thải hữu cơ, các công trình vệ sinh nông thôn và lò giết mổ gia súc, gia cầm; ứng dụng các chế phẩm phân bón hữu cơ vi sinh trong chương trình hữu cơ hóa đất nông nghiệp, bảo vệ bền vững tài nguyên đất.

#### **6- Nâng cao hiệu quả hợp tác, phát triển công nghệ sinh học**

Chủ động xây dựng các chương trình, đề tài, dự án hợp tác với các địa phương, đơn vị, đối tác có nền công nghệ sinh học tiên tiến để trao đổi thông tin dữ liệu, tranh thủ những kinh nghiệm và tiếp nhận tài trợ cho phát triển ngành công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước nhằm tiếp cận và chuyển giao các công nghệ tiên tiến. Qua đó, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực công nghệ sinh học trình độ cao cho địa phương, đơn vị.

#### **IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

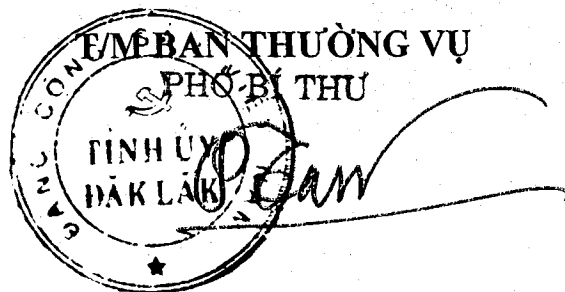
1- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tổ chức việc học tập, phổ biến, quán triệt Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII, Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX và Chương trình này cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; lồng ghép các nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, ngành, địa phương để thực hiện. Để đảm bảo tiết kiệm thời gian, việc học tập và quán triệt Kết luận số 06-KL/TW và Chương trình thực hiện của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có thể lồng ghép với việc tổ chức học tập và quán triệt các nghị quyết, chỉ thị khác của Đảng, đảm bảo hình thức tổ chức hợp lý, nghiêm túc và có hiệu quả.

2- Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; ưu tiên bố trí ngân sách cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ trên địa bàn của tỉnh.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh phổ biến Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII và Chương trình thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan báo, đài của tỉnh mở chuyên trang, chuyên mục, tuyên truyền về tình hình phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chương trình này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
  - Ban Tuyên giáo TW;
  - T26 Đà Nẵng;
  - Đảng đoàn HĐND tỉnh;
  - BCS đảng UBND tỉnh;
  - Các ban của Tỉnh ủy, VPTU;
  - Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
  - Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
  - Lưu VPTU(h).
- } (báo cáo)



*Phạm Minh Loan*

